

## C. CÁC KIỂU GIOĂNG PHỐT NOK VÀ ĐẶC ĐIỂM CHÍNH

- NOK cung cấp các kiểu gioăng phốt thủy lực, các vòng phốt tạo vùng đệm, phốt chắn bụi, và các sản phẩm liên quan dùng cho chuyển động tịnh tiến khứ hồi; các phốt chuyển động quay dưới áp suất cao; gioăng phốt dùng cho chuyển động lắc khứ hồi, và chuyển động quay.
- Các vật liệu tiêu chuẩn được áp dụng cho các gioăng phốt trong catalogue này tùy theo điều kiện làm việc.

### (1) Gioăng phốt làm kín thủy lực dùng cho chuyển động tịnh tiến khứ hồi

Kiểu	Kiểu theo NOK	Tiết diện	Vật liệu tiêu chuẩn	Dầu thủy lực được phép áp dụng		Đặc điểm	Bảng kích thước (trang)
Gioăng phốt đặc biệt dùng cho quả phòng	ODI		Cao su – sắt (U801)	● Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung		● Được thiết kế cho loại tiết diện lớn, phạm vi áp suất rộng	61 ~ 67
	OSI		Cao su – sắt (U801)				69 ~ 71
	OUIS		Cao su – sắt (U641)				72 ~ 73
	OUHR		Cao su nitrile (A505) (A567)	A505	● Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung ● Dầu thủy lực dạng nước-glycol ● Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước – dầu	● Được thiết kế cho gioăng phốt tiết diện nhỏ, và có khả năng lắp vừa khít các rãnh lắp tích hợp	74 ~ 75
				A567	● Dầu thủy lực gốc dầu mỏ chịu nhiệt độ thấp (Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung) Lưu ý: Khi sử dụng dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung, chúng tôi khuyến dùng vật liệu A527		
	SPG		① Vật liệu bề mặt trượt: Rareflon, PTFE (19YF), ② Vật liệu vòng chặn sau phốt: Cao su Nitrile (A980) Cao su Fluoro (F201)	A980	● Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung ● Dầu thủy lực dạng nước-glycol ● Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước – dầu	● Rareflon (Tên gọi sản phẩm nhựa polyurethane-fluoro-ethylene của NOK resin) được sử dụng làm vật liệu bề mặt trượt, các gioăng phốt này có lực cản ma sát nhỏ, loại bỏ hiện tượng bám dính khi trượt và đảm bảo khả năng chống mài mòn cao. ● Tiết kiệm không gian lắp đặt nhờ khả năng làm kín hai chiều bởi gioăng đơn lẻ	77 ~ 80
				F201	● Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung ● Dầu thủy lực dạng ester phosphate		--
	SPGW		① Vật liệu bề mặt trượt: Rareflon, PTFE (19YF), ② Vật liệu vòng chặn sau phốt: nhựa polyamide (12NM hoặc 80NP) ③ Vật liệu vòng chặn sau phốt: cao su Nitrile (A980) Cao su Fluoro (F201)	A980	● Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung ● Dầu thủy lực dạng nước-glycol ● Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước – dầu	● Là gioăng phốt chịu áp suất lớn, khả năng lau sạch dầu ở kiểu SPG được cải thiện. ● Vật liệu vòng chặn sau phốt bằng polyamide đảm bảo tuổi thọ cao.	81 ~ 83
				F201	● Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung ● Dầu thủy lực dạng ester phosphate		--
	SPGO		① Vật liệu bề mặt trượt: Rareflon, PTFE (19YF), ② Vật liệu vòng chặn sau phốt: cao su Nitrile (A305) Cao su Fluoro (F201)	A305	● Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung ● Dầu thủy lực dạng nước-glycol ● Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước – dầu	● Kiểu này có hiệu suất hoạt động như kiểu SPG. Tiết kiệm không gian lắp đặt nhờ O-ring theo tiêu chuẩn Nhật JIS.	85 ~ 87
F201				● Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung ● Dầu thủy lực dạng ester phosphate	--		
SPGC		① Vật liệu bề mặt trượt: Rareflon, PTFE (31BF), ② Vật liệu vòng chặn sau phốt: cao su Nitrile (A305) Cao su Fluoro (F201)	A305	● Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung ● Dầu thủy lực dạng nước-glycol ● Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước – dầu	● Gioăng phốt này lắp khít được vào rãnh của O-ring (loại theo tiêu chuẩn Nhật JIS B 2406 P) ● Có ma sát trượt nhỏ hơn O-ring, đảm bảo tuổi thọ cao. ● Có thể dùng cho thiết bị khí nén	89 ~ 92	
			F201	● Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung		--	

## CÁC KIỂU GIOĂNG PHỐT NOK VÀ ĐẶC ĐIỂM CHÍNH

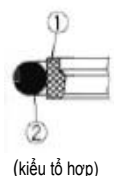







### (1) Gioăng phốt làm kín thủy lực dùng cho chuyển động tịnh tiến khứ hồi 2

Kiểu	Kiểu theo NOK	Tiết diện	Vật liệu tiêu chuẩn	Dầu thủy lực được phép áp dụng		Đặc điểm	Bảng kích thước (trang)		
Gioăng phốt đặc biệt dùng cho quả bóng	OKH		cao su Nitrile (A566) (A567)	A566	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỡ nói chung</li> <li>Dầu thủy lực dạng nước -glycol</li> <li>Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước - dầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiết kiệm không gian lắp đặt nhờ khả năng làm kín hai chiều của gioăng đơn lẻ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đã có biện pháp chống bám dính khi trượt.</li> <li>Vật liệu có khả năng chịu nhiệt độ thấp tuyệt vời, cao su nitrile A567 cũng có sẵn. Gioăng phốt này có thể sử dụng với dầu thủy lực đặc biệt chịu nhiệt độ thấp (MIL H 5606E). Gioăng phốt này cũng có thể sử dụng kết hợp với kiểu BRL. Xem ví dụ về dùng kết hợp ở trang 51.</li> </ul>	--	
				A567	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỡ chịu nhiệt độ thấp (Dầu thủy lực gốc dầu mỡ nói chung)</li> <li>Lưu ý: Khi sử dụng dầu thủy lực gốc dầu mỡ nói chung, chúng tôi khuyến dùng vật liệu A527</li> </ul>				
	CPI		Cao su - sắt (U801)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỡ nói chung</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Gioăng phốt này được sử dụng cho áp suất làm việc tương đối thấp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vật liệu gioăng phốt bằng cao su - sắt với khả năng chống mài mòn tuyệt vời.</li> </ul>	93 ~ 94		
Phốt đặc biệt dùng cho cần piston	CPH		cao su Nitrile (A102) (A103) (A104) (A505)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỡ nói chung</li> <li>Dầu thủy lực dạng nước -glycol</li> <li>Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước - dầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vật liệu gioăng phốt bằng cao su - sắt với khả năng chịu dầu tuyệt vời và làm giảm ma sát.</li> </ul>	95 ~ 96			
	IDI		Cao su - sắt (U801)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỡ nói chung</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểu gioăng phốt tiết diện lớn có thể được sử dụng cho phạm vi áp suất rộng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vật liệu gioăng phốt cao su - sắt U801 có khả năng chịu mài mòn và làm kín tuyệt vời.</li> </ul>	97 ~ 104		
								ISI	Cao su - sắt (U801) (U641)
								IUIS	Cao su - sắt (U801) (U641)
	IUH		cao su Nitrile (A505) (A567)	A505	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỡ nói chung</li> <li>Dầu thủy lực dạng nước -glycol</li> <li>Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước - dầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Gioăng phốt tiết diện nhỏ có khả năng lắp vừa khít các rãnh lắp tích hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đã cải tiến để ngăn ngừa hư hại do áp suất phía sau phốt.</li> <li>Vật liệu chịu nhiệt độ thấp tuyệt vời là cao su nitrile A567 cũng sẵn có. Gioăng phốt này cũng có thể sử dụng với dầu chịu nhiệt độ thấp đặc biệt (MIL H 5606E)</li> </ul>	108 ~ 109	
				A567	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỡ chịu nhiệt độ thấp (Dầu thủy lực gốc dầu mỡ nói chung)</li> <li>Lưu ý: Khi sử dụng dầu thủy lực gốc dầu mỡ nói chung, chúng tôi khuyến dùng vật liệu A527</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>Đã cải tiến để ngăn ngừa hư hại do áp suất phía sau phốt</li> <li>Cao su nitrile với khả năng chịu nhiệt độ thấp tuyệt vời A567 cũng sẵn có, gioăng phốt kiểu này có thể sử dụng với dầu thủy lực đặc biệt chịu nhiệt độ thấp (MIL H 5606E)</li> </ul>
	UNI		<ul style="list-style-type: none"> <li>Vật liệu bề mặt trượt: cao su - sắt (U801),</li> <li>Vật liệu vòng chặn sau phốt: cao su <i>silicon</i> (S813)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỡ nói chung</li> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỡ chịu nhiệt độ thấp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểu gioăng phốt này dùng cho điều kiện làm việc nhiệt độ thấp, áp suất cao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng vật liệu cao su - sắt, vòng chặn sau phốt ngăn ngừa hiện tượng không còn độ dôi tiếp xúc ở nhiệt độ thấp.</li> </ul>	112 ~ 113		
SPNO		<ul style="list-style-type: none"> <li>Vật liệu bề mặt trượt: Rareflon, PTFE (19YF),</li> <li>Vật liệu vòng chặn sau phốt: Cao su Nitrile (A980) Cao su Fluoro (F201)</li> </ul>	A305	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỡ nói chung</li> <li>Dầu thủy lực dạng nước -glycol</li> <li>Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước - dầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rareflon (Tên gọi sản phẩm nhựa polyurethane-fluoro-ethylene của NOK) được sử dụng làm vật liệu bề mặt trượt. các gioăng phốt này có lực cản ma sát nhỏ, loại bỏ hiện tượng bám dính khi trượt và đảm bảo khả năng chống mài mòn cao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đây là kiểu tiêu chuẩn của gioăng phốt tổ hợp dùng cho hàng loạt ứng dụng</li> </ul>	115 ~ 117		
			F201	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỡ nói chung</li> <li>Dầu thủy lực dạng ester phosphate</li> </ul>			--		
SPN		<ul style="list-style-type: none"> <li>Vật liệu bề mặt trượt: Rareflon, PTFE (19YF),</li> <li>Vật liệu vòng chặn sau phốt: Cao su Nitrile (A980) Cao su Fluoro (F201)</li> </ul>	A980	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỡ nói chung</li> <li>Dầu thủy lực dạng nước -glycol</li> <li>Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước - dầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểu này có hiệu suất hoạt động như kiểu SPNO. Được sử dụng trong trường hợp phạm vi áp suất làm việc rộng và vận tốc trượt lớn.</li> </ul>	118 ~ 119			
			F201	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỡ nói chung</li> <li>Dầu thủy lực dạng ester phosphate</li> </ul>		--			

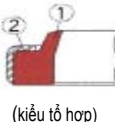
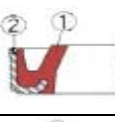
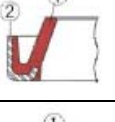
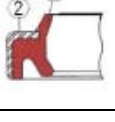
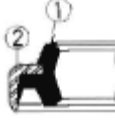





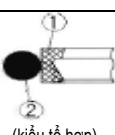
Ghi chú 1) Các chỉ tiết có đánh dấu "\*" trong cột bảng kích thước có các đặc tính độc đáo riêng. Xin hãy tham, vấn NOK trước khi đặt hàng vì kích thước không có trong catalogue này.  
 Ghi chú 2) Một số tiết diện của gioăng phốt, nhất là loại kích thước nhỏ, có thể không lắp vừa vào rãnh tích hợp  
 Ghi chú 3) Khi sử dụng dầu thủy lực đặc biệt, hãy tham vấn NOK.

CÁC KIỂU GIOĂNG PHỚT NOK VÀ ĐẶC ĐIỂM CHÍNH

(1) Gioăng phớt làm kín thủy lực dùng cho chuyển động tịnh tiến khứ hồi 3


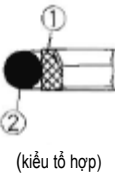
Kiểu	Kiểu theo NOK	Tiết diện	Vật liệu tiêu chuẩn	Dầu thủy lực được phép áp dụng		Đặc điểm	Bảng kích thước (trang)
Gioăng phớt đặc biệt dùng cho cán pitông	SPNS	 (kiểu tổ hợp)	① Vật liệu bề mặt trượt: Rareflon, PTFE (55YF), ② Vật liệu vòng chặn sau phớt: cao su Nitrile (A305) Cao su Fluoro (F201)	A305	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>• Dầu thủy lực dạng nước - glycol</li> <li>• Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước - dầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Rareflon (Tên gọi sản phẩm nhựa polyurethane-fluoro-ethylene của NOK) được sử dụng làm vật liệu bề mặt trượt. các gioăng phớt này có lực cản ma sát nhỏ, loại bỏ hiện tượng bám dính khi trượt và đảm bảo khả năng chống mài mòn cao.</li> </ul>	121 ~ 123
				F201	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>• Dầu thủy lực dạng ester phosphate</li> </ul>		--
Gioăng phớt đặc biệt dùng cho cán pitông	SPNC	 (kiểu tổ hợp)	① Vật liệu bề mặt trượt: Rareflon, PTFE (31BF), ② Vật liệu vòng chặn sau phớt: cao su Nitrile (A305) Cao su Fluoro (F201)	A305	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>• Dầu thủy lực dạng nước - glycol</li> <li>• Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước - dầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Rareflon (Tên gọi sản phẩm nhựa polyurethane-fluoro-ethylene của NOK) được sử dụng làm vật liệu bề mặt trượt. các gioăng phớt này có lực cản ma sát nhỏ, loại bỏ hiện tượng bám dính khi trượt và đảm bảo khả năng chống mài mòn cao.</li> <li>• Tiết kiệm không gian lắp đặt nhờ khả năng làm kín hai chiều bởi gioăng đơn lẻ</li> </ul>	125 ~ 128
				F201	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>• Dầu thủy lực dạng ester phosphate</li> </ul>		--
Gioăng phớt đặc biệt dùng cho cán và quả pitông	UPI		Cao su - sắt (U801)	• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểu gioăng phớt này dùng được cho cả quả pitông và cán pitông</li> <li>• Được thiết kế cho loại tiết diện lớn, phạm vi áp suất rộng</li> </ul>	129 ~ 134
	USI		Cao su - sắt (U801)			<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểu gioăng phớt này dùng được cho cả quả pitông và cán pitông</li> <li>• Gioăng phớt này có tiết diện nhỏ, và có thể lắp vừa khít các rãnh lắp tích hợp</li> </ul>	135 ~ 137
	UPH		cao su Nitrile (A505) Cao su fluoro (F357)	A505	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>• Dầu thủy lực dạng nước - glycol</li> <li>• Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước - dầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểu gioăng phớt này dùng được cho cả quả pitông và cán pitông</li> <li>• Kiểu gioăng phớt tiết diện lớn có thể được sử dụng cho phạm vi áp suất rộng</li> </ul>	139 ~ 145
				F357	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>• Dầu thủy lực dạng ester phosphate</li> </ul>		
	USH		cao su Nitrile (A505) (A567) cao su Fluoro (F357)	A505	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>• Dầu thủy lực dạng nước - glycol</li> <li>• Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước - dầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểu gioăng phớt này dùng được cho cả quả pitông và cán pitông</li> <li>• Gioăng phớt này có tiết diện nhỏ, và có thể lắp vừa khít các rãnh lắp tích hợp</li> </ul>	147 ~ 149
				A567	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ chịu nhiệt độ thấp (Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung) Lưu ý: Khi sử dụng dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung, chúng tôi khuyến dùng vật liệu A527</li> </ul>		--
				F357	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>• Dầu thủy lực dạng ester phosphate</li> </ul>		147 ~ 149
V99F		Cao su Nitile đậm vải sợi (21AG)	21AG	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>• Dầu thủy lực dạng nước - glycol</li> <li>• Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước - dầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểu gioăng phớt này dùng cho điều kiện làm việc đặc biệt nặng bằng cách dùng gioăng phớt nhiều lớp bố, tùy theo điều kiện áp suất.</li> </ul>	151 ~ 155	
V96H		Cao su Nitile (A505) Cao su fluoro (F357)	A505	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>• Dầu thủy lực dạng nước - glycol</li> <li>• Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước - dầu</li> <li>• Nước</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chiều rộng lắp đặt nhỏ hơn phớt chữ U, khả năng làm kín kém hơn gioăng phớt chữ U.</li> </ul>	157 ~ 161	
			F357	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>• Dầu thủy lực dạng ester phosphate</li> <li>• Các hóa chất nông nghiệp</li> </ul>		--	

**(2) Phốt chắn bụi dùng cho chuyển động tịnh tiến khứ hồi**



Kiểu	Kiểu theo NOK	Tiết diện	Vật liệu tiêu chuẩn	Dầu thủy lực được phép áp dụng	Đặc điểm	Bảng kích thước (trang)	
Phốt chắn bụi	DKI	 (kiểu tổ hợp)	① Vật liệu lưới phốt Cao su – sắt (U801) ② Vật liệu vỏ kim loại: thép tấm phẳng cuộn cán nguội (SPCC)		● Đây là phốt chắn bụi tiêu chuẩn bằng cao su – sắt với hiệu suất chắn bụi cao.	163 ~ 165	
	DWI		① Vật liệu lưới phốt Cao su – sắt (U801) ② Vật liệu vỏ kim loại: thép tấm phẳng cuộn cán nguội (SPCC)		● Sử dụng cao su – sắt làm vật liệu, phốt này làm việc trong điều kiện bụi nhiều như ở thiết bị thi công.	166 ~ 167	
	DWIR		① Vật liệu lưới phốt Cao su – sắt (U801) ② Vật liệu vỏ kim loại: thép tấm phẳng cuộn cán nguội (SPCC)		● Sử dụng cao su – sắt làm vật liệu, phốt này có hiệu suất như phốt DWI, khả năng ngăn ngừa hiện tượng chùi sạch dầu và bám theo độ lệch tâm tuyệt vời.	168 ~ 169	
	DKBI		① Vật liệu lưới phốt Cao su – sắt (U801) ② Vật liệu vỏ kim loại: thép tấm phẳng cuộn cán nguội (SPCC)		● Sử dụng cao su – sắt làm vật liệu, đây là phốt có lưới kép để ngăn ngừa hiện tượng lau sạch dầu.	170 ~ 171	
	DKB		① Vật liệu lưới phốt Cao su Nitrile (A795) (A980) Cao su Fluoro (A975) ② Vật liệu vỏ kim loại: thép tấm phẳng cuộn cán nguội (SPCC)	A795	● Bụi bẩn bên ngoài	● Sử dụng cao su Nitrile làm vật liệu, đây là phốt có lưới kép để ngăn ngừa hiện tượng lau sạch dầu	172 ~ 173
				A980			--
				F975			--
	DKH		① Vật liệu lưới phốt Cao su Nitrile (A795) (A980) Cao su Fluoro (A975) ② Vật liệu vỏ kim loại: thép tấm phẳng cuộn cán nguội (SPCC)	A104 A795	● Phốt này ngăn ngừa bụi từ ngoài vào, bảo vệ thiết bị và duy trì hiệu suất làm kín của các gioăng phốt	● Sử dụng cao su Nitrile làm vật liệu, đây là phốt chắn bụi lưới đơn. ● Vật liệu A795: cho đường kính $\phi 300$ hoặc nhỏ hơn. A104: cho đường kính lớn hơn $\phi 300$	174 ~ 175
				A980			--
				F975			--
	DSI		Cao su – sắt (U801)		● Phốt này ngăn ngừa bụi từ ngoài vào, bảo vệ thiết bị và duy trì hiệu suất làm kín của các gioăng phốt	● Sử dụng cao su – sắt làm vật liệu, đây là phốt chắn bụi lưới đơn hoàn toàn bằng cao su	176 ~ 178
	LBI		Cao su – sắt (U593)			● Đây là sản phẩm sử dụng cao su – sắt làm vật liệu, là phốt chắn bụi lưới kép, hoàn toàn bằng cao su, mục đích ngăn chặn hiện tượng lau sạch dầu.	179 ~ 180
	LBH		Cao su Nitrile (A505) (A567) Cao su Fluoro (F357)	A505	● Kiểu này có thể lắp được vào rãnh tích hợp	● Đây là phốt chắn bụi hoàn toàn bằng cao su, lưới kép, để ngăn chặn hiện tượng lau sạch dầu. ● Có sẵn loại vật liệu cao su Nitrile và Fluoro, dùng cho phạm vi nhiệt độ rộng.	181 ~ 183
				A567			--
F357				181 ~ 183			
LBHK		Cao su Nitrile (A505) (A567)	A505 A567		● Sản phẩm này có lưới phụ trên lưới chắn bụi, hiệu quả trong ngăn ngừa nước lọt vào, dùng trong nhà và ngoài trời. ● Sản phẩm này có khía trên lưới gạt dầu và có phía sau phốt thấp xuống, có đặc tính ngăn ngừa tích tụ áp suất phía sau tuyệt vời.	184 ~ 185	
DSPB	 (kiểu tổ hợp)	① Vật liệu bề mặt trượt: Rareflon, PTFE(55YF) ② Vật liệu vòng chặn sau phốt: Cao su Nitrile (A305) Cao su Fluoro (F201)	A305	● Phốt này ngăn ngừa bụi từ ngoài vào, bảo vệ thiết bị và duy trì hiệu suất làm kín của các gioăng phốt	● Rareflon (Tên gọi sản phẩm nhựa polyurethane-fluoro-ethylene của NOK) được sử dụng làm vật liệu bề mặt trượt, gioăng phốt này có lực cản ma sát nhỏ, loại bỏ hiện tượng bám dính khi trượt.	186 ~ 188	
			F201			--	

Ghi chú 1) Các chi tiết có đánh dấu "-" trong cột bảng kích thước có các đặc tính đặc biệt. Xin hãy tham, vấn NOK trước khi đặt hàng vì kích thước không có trong catalogue này.  
 Ghi chú 2) Một số tiết diện của gioăng phốt, nhất là loại kích thước nhỏ, có thể không lắp vừa vào rãnh tích hợp  
 Ghi chú 3) Khi sử dụng dầu thủy lực đặc biệt, hãy tham vấn NOK.










**(3) Vòng đệm (phớt tạo vùng đệm, *buffer ring*) dùng cho chuyển động tịnh tiến khứ hồi**

Kiểu	Kiểu theo NOK	Tiết diện	Vật liệu tiêu chuẩn	Dầu thủy lực được phép áp dụng		Đặc điểm	Kiểu
Vòng đệm/phớt tạo vùng đệm, <i>buffer ring</i>	HBY	 (kiểu tổ hợp)	① Vật liệu phớt Cao su- sắt (U801) (U641) (UH05) ② Vật liệu vòng chặn phía sau Nhựa Polyamide (12NM hoặc 80NP)	U801	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phớt tạo vùng đệm này dùng kết hợp với phớt cán pitông để hấp thụ và đập và dao động áp suất khi tải trọng lớn, cải thiện tuổi thọ của gioăng phớt</li> </ul>	189 ~ 190
				U641			--
				UH05			--
HBT5	 (kiểu tổ hợp)	① Vật liệu bề mặt trượt: Rareflon (19YF), ② Vật liệu vòng chặn phía sau Cao su Nitrile (A626) Cao su Fluoro (F201)	A626	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>• Dầu thủy lực dạng nước-glycol</li> <li>• Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước – dầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểu phớt này có tính năng như kiểu HBY</li> <li>• Kiểu phớt này có lực cản ma sát thấp, phù hợp cho hoạt động ở vận tốc cao và hành trình cực ngắn.</li> <li>• Khe rãnh trên bề mặt có ren (không phải bề mặt trượt) có thể cho phép áp suất rò rỉ về phía sau.</li> </ul>	191 ~ 192	
			F201			<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>• Dầu thủy lực dạng ester phosphate</li> </ul>	--

**(4) Phớt dầu dùng cho chuyển động tịnh tiến khứ hồi**

Kiểu	Kiểu theo NOK	Tiết diện	Vật liệu tiêu chuẩn	Dầu thủy lực được phép áp dụng	Đặc điểm	Bảng kích thước (trang)
Phớt dùng cho các cụm van thủy lực	SVY	 (kiểu tổ hợp)	① Vật liệu lưới phớt Cao su Nitrile (A216) ② Vật liệu vỏ kim loại: thép tấm phẳng cuộn cán nguội (SPCC) ③ Vật liệu lò so kiểu dây đàn Piano (SWP)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đây là phớt đặc biệt chủ yếu dùng cho các cụm van của các thiết bị công nghiệp</li> <li>• Phớt này có khả năng làm kín tuyệt vời và ma sát thấp</li> </ul>	--
						--
Phớt dùng cho cơ cấu trợ lực lái	SCJY	 (kiểu tổ hợp)	① Vật liệu lưới phớt Cao su Nitrile (A297) ② Vật liệu vỏ kim loại: thép tấm phẳng cuộn cán nguội (SPCC) ③ Vật liệu lò so bằng thép chống rỉ (SUS) ④ Vật liệu vòng chặn phía sau Nhựa Polyamide (60NP)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực trợ lực lái thông thường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đây là phớt đặc biệt chủ yếu dùng cho trợ lực lái ô tô.</li> <li>• Vòng chặn phía sau bằng vật liệu nhựa được sử dụng để giảm thiểu biến dạng dưới áp lực cao.</li> <li>• Thép không rỉ được dùng cho lò so để duy trì độ dôi (độ cản trở) và lực ép của lưới phớt để có tuổi thọ cao và vận hành tốc độ cao.</li> </ul>	--

**(5) Các sản phẩm liên quan dùng cho chuyển động tịnh tiến khứ hồi**

Kiểu	Kiểu theo NOK	Tiết diện	Vật liệu tiêu chuẩn	Dầu thủy lực được phép áp dụng	Đặc điểm	Bảng kích thước (trang)	
Vòng đệm mài mòn (Wear ring)	RYT		Rareflon, PTFE (05ZF)		<ul style="list-style-type: none"> <li>Loại vòng đệm chịu mài mòn này được dùng làm bạc lót cho quả pitông để ngăn ngừa vết khuyết và độ lệch tâm để cải thiện tuổi thọ của các gioăng phốt.</li> </ul>	193 ~ 194	
	WR		Nhựa phenol đệm vải sợi (12RS) (15RS)	12RS 15RS		<ul style="list-style-type: none"> <li>Khả năng chịu nén và chịu mài mòn tuyệt vời do vật liệu làm bằng nhựa phenol đệm vải.</li> <li>Một miệng cắt xiên được tạo trên vòng đệm.</li> </ul>	195 ~ 198
	WRT2		Rareflon, PTFE (08ZF)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>Dầu thủy lực dạng nước - glycol</li> <li>Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước - dầu</li> <li>Dầu thủy lực dạng ester phosphate</li> <li>Dầu thủy lực chịu nhiệt độ thấp gốc dầu mỏ</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>Rareflon (Tên gọi sản phẩm nhựa polyurethane-fluoro-ethylene của NOK) được sử dụng làm vật liệu bề mặt trượt, gioăng phốt này có lực cản ma sát nhỏ, loại bỏ hiện tượng bám dính khi trượt</li> </ul>	--
Phốt chặn cận	KZT		Rareflon, PTFE (05ZF)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>Dầu thủy lực dạng nước - glycol</li> <li>Dầu thủy lực dạng nhũ tương nước - dầu</li> <li>Dầu thủy lực dạng ester phosphate</li> <li>Dầu thủy lực chịu nhiệt độ thấp gốc dầu mỏ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phốt này sử dụng kết hợp với các gioăng phốt quả pitông và vòng đệm mài mòn để ngăn ngừa hư hại cho gioăng phốt gây ra bởi các vật lạ có trong dầu bên trong xylanh, đảm bảo tuổi thọ cao cho gioăng phốt.</li> <li>Khi sử dụng kết hợp với gioăng phốt cán pitông và bạc kim loại, sự hư hại của cán pitông có thể được ngăn ngừa nhờ tính năng nhấn chìm của Rareflon (Tên gọi sản phẩm nhựa polyurethane-fluoro-ethylene của NOK).</li> <li>Miệng được tạo ở một điểm, khe cho phép áp suất dầu xuyên qua cũng được tạo để ngăn ngừa sự tích tụ áp suất.</li> </ul>	199 ~ 201	
	BRT2		Rareflon, PTFE (19ZF)			<ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> <li>Dầu thủy lực dạng ester phosphate</li> <li>Dầu thủy lực chịu nhiệt độ thấp gốc dầu mỏ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Được dùng để ngăn ngừa sự trôi của phốt, cải thiện khả năng chịu áp suất của các gioăng phốt</li> </ul>
BRT3		Rareflon (31BF)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểu miệng cắt xiên là loại tiêu chuẩn (BRN2). Nếu không có vắn để lắp đặt cũng có thể dùng loại liền không cắt miệng (BRN3).</li> </ul>				
BRN2		Nhựa Polyamide (80NP)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểu miệng cắt xiên là loại tiêu chuẩn (BRN2). Nếu không có vắn để lắp đặt cũng có thể dùng loại liền không cắt miệng (BRN3).</li> </ul>				
BRN3			<ul style="list-style-type: none"> <li>Vòng chặn sau phốt này cũng đóng vai trò vòng đệm mài mòn. Nó có thể được sử dụng làm vòng đệm mài mòn kiểu OKH và vòng chặn phía sau kiểu OKH. Xem ví dụ về cách sử dụng kết hợp ở trang 51.</li> </ul>				
BRL		Nhựa Polyamide (60NP)			--		

- Ghi chú 1) Các chi tiết có đánh dấu "-" trong cột bảng kích thước có các đặc tính độc đáo riêng. Xin hãy tham vấn NOK trước khi đặt hàng vì kích thước không có trong catalogue này.
- Ghi chú 2) Khi sử dụng dầu thủy lực đặc biệt, hãy tham vấn NOK.

**(6) Các phớt dầu chuyển động quay dùng cho áp suất lớn**

Kiểu	Kiểu theo NOK	Tiết diện	Vật liệu tiêu chuẩn	Dầu thủy lực được phép áp dụng	Đặc điểm	Bảng kích thước (trang)
Phớt dầu dùng cho chuyển động quay dưới áp suất	TCV		① Vật liệu lưới phớt Cao su Nitrile (A795) Cao su Fluoro (F584)	A795	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đây là kiểu tiêu chuẩn của phớt dầu dùng cho chuyển động quay dưới áp suất</li> </ul>	Bảng kích thước oil seal
			② Vật liệu vỏ kim loại: thép tấm phẳng cuộn cán nguội (SPCC)	F548		
	TCZ	 (kiểu tổ hợp)	① Vật liệu lưới phớt Cao su Nitrile (A795) Cao su Fluoro (F584)	A795		
			② Vật liệu vỏ kim loại: thép tấm phẳng cuộn cán nguội (SPCC)	F548		
			③ Vật liệu lò so kiểu dây đàn Piano (SWP)		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểu này được sử dụng cho kích thước đường kính bé và áp suất vận hành trung bình</li> <li>• Kiểu này được sử dụng cho kích thước đường kính lớn và áp suất vận hành cao</li> </ul>	

**(7) Các phớt dùng cho chuyển động lắc khứ hồi và chuyển động quay**

Kiểu	Kiểu theo NOK	Tiết diện	Vật liệu tiêu chuẩn	Dầu thủy lực được phép áp dụng	Đặc điểm	Bảng kích thước (trang)
Phớt chắn bụi dùng cho chốt bán lẻ	DLI		① Vật liệu lưới phớt Cao su – sắt (U801) (U593) ② Vật liệu vỏ kim loại: thép tấm phẳng cuộn cán nguội (SPCC)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bụi bẩn bên ngoài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đây là phớt chắn bụi dùng cho chuyển động lắc khứ hồi và chuyển động quay của chốt bán lẻ và bạc lót. Nó có thể được sử dụng ở điều kiện bụi bẩn nặng để cải thiện tuổi thọ của thiết bị.</li> <li>• Hiệu ứng bề mặt mấp mô giúp dễ dàng xả dầu mỡ đã qua sử dụng trong khi nạp thêm dầu mỡ mới</li> </ul>	206 ~ 207
	DLI2		① Vật liệu lưới phớt Cao su – sắt (U451) ② Vật liệu vỏ kim loại: thép tấm phẳng cuộn cán nguội (SPCC)			208 ~ 209
	VAY	 (kiểu tổ hợp)	① Vật liệu lưới phớt Cao su Nitrile (A104) ② Vật liệu vỏ kim loại: thép tấm phẳng cuộn cán nguội (SPCC)			<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dạng lưới phớt được thiết kế đặc biệt để làm giảm mômen xoắn.</li> <li>• Sự mài mòn của lưới phớt giảm do có tấm bảo vệ bằng kim loại.</li> </ul>

Kiểu	Kiểu theo NOK	Tiết diện	Vật liệu tiêu chuẩn	Dầu thủy lực được phép áp dụng	Đặc điểm	Bảng kích thước (trang)
Phớt trụ xoay trung tâm	CSI		Vật liệu Cao su – sắt (U801) (U652)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu thủy lực gốc dầu mỏ nói chung</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đây là phớt đặc biệt dùng cho trụ xoay trung tâm với khả năng chống mài mòn và chống trôi phớt tuyệt vời.</li> <li>• Do không thể kỳ vọng một sự làm kín hoàn hảo, xin hãy tạo chỗ xả ở đầu cuối và dùng phớt dầu dành cho chuyển động quay dưới áp suất cùng với phớt này.</li> </ul>	--

**Ghi chú)** Các chi tiết có đánh dấu "-" trong cột bảng kích thước có các đặc tính độc đáo riêng. Xin hãy tham vấn NOK trước khi đặt hàng vì kích thước không có trong catalogue này.